

Số: 34 /2014/QĐ-UBND

Đà Lạt, ngày 03 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng
Lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC và Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 101/2014/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định danh mục, mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 181/TTr-STP ngày 21 tháng 8 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định việc thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, như sau:

1. *Đối tượng nộp lệ phí:* Người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch.

2. *Cơ quan thu lệ phí:*

- a) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;
- b) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- c) Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. *Mức thu lệ phí:*

a) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: theo mức thu quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: theo mức thu quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

c) Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân tỉnh: theo mức thu quy định tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

d) Mức thu lệ phí nêu trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí mua sổ đăng ký hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch và các hồ sơ liên quan đến công tác quản lý hộ tịch.

e) Miễn lệ phí hộ tịch:

- Khi đăng ký lần đầu, cấp mới, thay mới đối với: khai sinh; kết hôn; khai tử; thay đổi cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi, bổ sung hộ tịch.

- Cho người Lào di cư sang Việt Nam đã được cấp giấy phép cư trú ổn định và có nguyện vọng nhập quốc tịch Việt Nam theo Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 12/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Quản lý và sử dụng lệ phí

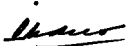
1. Đối với UBND cấp xã nộp 100% vào NSNN trên tổng số tiền lệ phí thực thu, đồng thời lập kế hoạch chi phí cần thiết phục vụ công tác thu lệ phí và được NSNN cấp lại.

2. UBND cấp huyện, thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc, Sở Tư pháp, UBND tỉnh Lâm Đồng được để lại 30% số tiền thu được để phục vụ công tác thu, 70% nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước.

3. Cơ quan thu lệ phí thực hiện việc thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký hộ tịch theo đúng quy định hiện hành; Biên lai, chứng từ thu lệ phí thực hiện theo đúng quy định của Bộ Tài chính (do ngành thuế phát hành) và theo hướng dẫn của Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế mức thu, nộp, tỷ lệ điều tiết và quản lý sử dụng lệ phí hộ tịch tại Quyết định số 07/2007/QĐ-UBND ngày 15/02/2007 và Quyết định số 44/2008/QĐ-UBND ngày 22/9/2008 của UBND tỉnh Lâm Đồng.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /- 

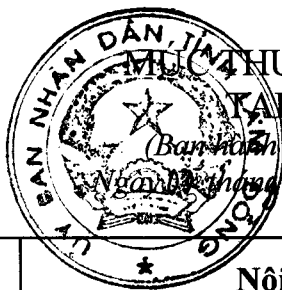
Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp- (Cục KTVB);
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Như Điều 4;
- TT Công báo tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Tiến



PHỤ LỤC I

MỨC THU LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH ÁP DỤNG TẠI UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 34 /2014 /QĐ-UBND
Ngày 9 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

STT	Nội dung thu lệ phí	Mức thu cho mỗi trường hợp
01	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	15.000 đồng
02	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	2.000 đồng/01 bản sao
03	Xác nhận các giấy tờ hộ tịch (Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ...)	5.000 đồng
04	Các việc đăng ký hộ tịch khác gồm: đăng ký lại việc sinh, tử, kết hôn; điều chỉnh hộ tịch; đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ; ghi vào sổ hộ tịch các việc về xác định cha, mẹ, con; thay đổi quốc tịch; ly hôn; huỷ việc kết hôn trái pháp luật; và những sự kiện hộ tịch khác do pháp luật quy định.	5.000 đồng



PHỤ LỤC II

MỨC THU LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH ÁP DỤNG TẠI UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 34 /2014 /QĐ-UBND
ngày 03 tháng 09 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

STT	Nội dung thu lệ phí	Mức thu cho mỗi trường hợp
01	Cấp lại bản chính giấy khai sinh	15.000 đồng
02	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	3.000 đồng/01 bản sao
03	Xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, điều chỉnh hộ tịch.	25.000 đồng



PHỤ LỤC III

Mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch áp dụng tại
SỞ TƯ PHÁP VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số **34** /2014/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 04 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

STT	Nội dung thu lệ phí	Mức thu cho mỗi trường hợp
01	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.500.000 đồng
02	Đăng ký lại việc kết hôn	1.500.000 đồng
03	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	8.000 đồng /01 bản sao
04	Cấp lại bản chính giấy khai sinh	75.000 đồng
05	Đăng ký việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính.	75.000 đồng
06	Xác nhận các giấy tờ hộ tịch	15.000 đồng
07	Các việc đăng ký hộ tịch khác gồm đăng ký lại việc sinh, tử; điều chỉnh hộ tịch; đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ; ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch về xác định cha, mẹ, con; thay đổi quốc tịch; ly hôn; huỷ việc kết hôn trái pháp luật; ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài và những việc hộ tịch khác do pháp luật quy định.	75.000 đồng